TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **172**/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 24 - 7 - 2020
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan.

Ông Trần Văn Chánh.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Thanh Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa*: Bà Đặng Hoàng Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 692/2020/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2020, về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 213/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1989.

Trú tại: phường Trảng Dài, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Trần Văn G**, sinh năm 1985.

Trú tại: phường Trảng Dài, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt, ông G vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/02/2020, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà và ông Trần Văn G tự nguyện đến với nhau vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G Sơn Tây, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Đã được

Ủy ban nhân dân xã G Sơn Tây, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/10/2011.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, sau đó xảy ra mâu thuẫn về tình cảm, tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau, nhiều lần vợ chồng hàn gắn nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà xác định tình cảm không còn, bà xin được ly hôn với ông Trần Văn G.

Về con chung: Quá trình vợ chồng chung sống bà và ông Trần Văn G có 01 con chung cháu Trần Văn Nh, sinh ngày 02/9/2012. Ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nhật, tạm thời bà không yêu cầu ông Trần Văn G cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- **Bị đơn ông Trần Văn G:** Vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không nộp bản tự khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà NguyễnThị L.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

Nguyên đơn: Chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn: Không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân bà Nguyễn Thị L cho biết từ khi kết hôn thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp dẫn đến việc ông bà đã sống ly thân từ tháng 2 năm 2019 đến nay, không còn ai quan tâm đến ai.

Riêng về ông G tuy đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc, không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của bà L dù ông biết việc bà L xin ly hôn. Tòa án đã xác minh về nơi cư trú và mâu thuẫn gia đình được biết: Ông Trần Văn G có địa chỉ cư trú tại tổ 33, khu phố 3, phường Trảng Dài, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và hiện vẫn đang sinh sống tại địa chỉ trên. Về mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không nắm được thông tin vì không nhận được đơn yêu cầu, hay đề nghị hòa giải của đương sự, hiện bà L và ông G đã sống ly thân với nhau. Như vậy ông G coi như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình trong vụ kiện, cũng cho thấy ông không quan tâm đến việc bà L xin ly hôn.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L.

Về con chung: Xét theo nguyện vọng của bà L và cháu Nhật, ông G không có ý kiến về con chung nên giao cháu Trần Văn Nh, sinh ngày 02/9/2012 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là đảm bảo. Tạm thời ông Trần Văn G không cấp dưỡng nuôi con.

Vì quyền L của con chung, ông G có quyền thăm nom, chăm sóc mà bà L không được cản trở, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi dưỡng cũng như cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: do ông Trần Văn G không có lời khai nên tách ra giải quyết riêng khi có yêu cầu.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 85, 87, 88, 89, 91, 92, 93, 94, 95 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, bà L được ly hôn với ông Trần Văn G.

Về con chung: Giao con chung cháu Trần Văn Nh, sinh ngày 02/9/2012 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Trần Văn G không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: tách ra giải quyết riêng khi có yêu cầu.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 16/6/2020 bà Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Văn phòng Thừa phát lại B đã tiến hành thủ tục tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập đương sự cho ông Trần Văn G, đã tiến hành thủ tục niêm yết thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Trần Văn G để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng ông Trần Văn G vẫn vắng mặt không đến Tòa án nhân dân thành phố B để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn G kết hôn vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G Sơn Tây, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Đã được Ủy ban nhân dân xã G Sơn Tây, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/10/2011 đúng theo quy định tại

Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà Nguyễn Thị L trình bày sau khi kết hôn bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn G thường xuyên cãi nhau, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng nhau. Bà Nguyễn Thị L xin ly hôn ông Trần Văn G.

Tại biên bản xác minh ngày 14/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B: Đại diện Ủy ban nhân dân phường Trảng Dài, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cung cấp: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn G quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn hay không địa phương không nắm được vì bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn G không báo địa phương biết. Về tài sản chung, nợ chung: địa phương không nắm.

Xét mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn G đã xảy ra, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Trần Văn G.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn G có 01 con chung cháu Trần Văn Nh, sinh ngày 02/9/2012. Ly hôn, bà Nguyễn Thị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Văn Nh, sinh ngày 02/9/2012, bà Nguyễn Thị L không yêu cầu ông Trần Văn G cấp dưỡng nuôi con chung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình quy định "Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con". Tại bản tự khai ngày 17/3/2020 cháu Trần Văn Nh, sinh ngày 02/9/2012 có nguyện vọng sống với bà Nguyễn Thị L. Vì vậy, giao con chung cháu Trần Văn Nh, sinh ngày 02/9/2012 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Trần Văn G không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Văn G không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì L ích của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn G không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Nhưng do ông Trần Văn G vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn G không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Nhưng do ông Trần Văn G vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B về việc giải quyết tranh chấp và nghĩa vụ chịu án phí của bà Nguyễn Thị L là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 203, 220, 227, khoản 1 Điều 228, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

TUYÊN XỬ:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với ông Trần Văn G về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Trần Văn G.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn G có 01 con chung cháu Trần Văn Nh, sinh ngày 02/9/2012.

Giao con chung cháu Trần Văn Nh, sinh ngày 02/9/2012 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Trần Văn G không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Văn G không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì L ích của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn G không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do ông Trần Văn G vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn G không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do ông Trần Văn G vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm bà Nguyễn Thị L nộp theo biên lai số 0008400 ngày 18/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai được tính trừ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- THA TP. B (1);
- VKSND TP. B (2);
- Đương sự (2);
- UBND xã G Sơn Tây, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An (2);
- Lưu (5).

Trần Thị Kim Dung